TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **231**/2026/DS-ST

Ngày: 28-7-2026

V/v: "T/C hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 440/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 349/2026/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956 (có mặt);

Số CCCD: 083056009685;

Địa chỉ: C, khu phố N, phường P, tỉnh Vĩnh Long;

- Bị đơn: Ông Đặng Văn O, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Số CCCD: 080066013583;

Địa chỉ: ấp F, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Số E, khu phố N, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án; nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ngày 26/5/2025, ông L có cho ông Đặng Văn O vay 100.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 26/5/2025 đến ngày 24/11/2025 với lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 3%/tháng. Hai bên lập giấy mượn tiền, có Ủy ban nhân dân xã N (Nay là Ủy ban nhân dân phường P) chứng thực.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông O giao cho ông L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 580 tờ bản đồ số 6 xã N đứng tên ông Đặng Văn O. Các bên thỏa thuận nếu trong thời gian 03 tháng, nếu bên A (bên vay) không đóng lãi đứng như thỏa thuận thì bên A có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng đất nêu trên cho bên B. Trong thời gian 06 tháng nếu bên A không trả lại số tiền đã vay thì bên B sẽ trả lại cho bên A thêm 50.000.000 đồng và bên A có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho bên B.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông O đã trả cho ông L được 3 tháng tiền lãi với số tiền 9.000.000 đồng. Đến ngày 24/4/2026 thì ông O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết bao gồm cả gốc và lãi. Ông L đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông O né tránh.

Nay ông L yêu cầu ông Đặng Văn O phải trả cho ông L số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/ tháng tính từ ngày 27/8/2025 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Ông L đồng ý trả lại cho ông O bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 580 tờ bản đồ số 6 xã N đứng tên ông Đặng Văn O.

- Tại phiên tòa ông L trình bày: Ông L yêu cầu ông Đặng Văn O phải trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/ tháng tính từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Đối với số tiền lãi 9.000.000 đồng mà ông O đã đóng thì ông L đồng ý tính lại theo quy định của pháp luật và khấu trừ vào số tiền lãi còn phải trả. Ông L đồng ý trả lại cho ông O bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 580 tờ bản đồ số 6 xã N đứng tên ông Đặng Văn O.

- Bị đơn ông Đặng Văn O vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, buộc ông Đặng Văn O có trách nhiệm trả cho ông Lê Quang L1 tổng số tiền 114.240.000 đồng, bao gồm: tiền gốc là 100.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi là 14.240.000 đồng.

+ Miễn án phí cho ông O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Văn O trả số tiền đã vay. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy đây là tranh chấp giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đặng Văn O hiện đang cư trú tại phường P, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Đặng Văn O là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông O vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông O theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Nguyên đơn yêu cầu ông Đặng Văn O phải trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/ tháng tính từ ngày 27/5/2025 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Ông L đồng ý trả lại cho ông O bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất thửa 580 tờ bản đồ số 6 xã N đứng tên ông Đặng Văn O. Chứng cứ mà ông L cung cấp là "Giấy mượn tiền" với nội dung: Bên A ông Đặng Văn O, sinh năm 1966; Bên B ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956; Bên B cho bên A vay số tiền 100.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận 3%/tháng; Bên A giao cho bên B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số: DK 672939…

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho phía bị đơn là ông Đặng Văn O, tuy nhiên ông O vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời không có giao nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của ông O đối với yêu cầu của nguyên đơn ông L, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn ông L đưa ra. Do đó, căn cứ vào Điều 91 và 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: có đủ căn cứ xác định ông L cho ông O vay số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu ông O trả số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng, là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Theo hợp đồng vay tiền, các bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông O đã trả cho ông L được 3 tháng tiền lãi với số tiền 9.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 1,66%/tháng, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, số tiền từ lãi từ ngày 27/5/2026 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/7/2026) là 14 tháng, thành tiền là: 100.000.000đ x 1,66% x 14 tháng = 23.240.000 đồng. Đối với số tiền lãi 9.000.000 đồng mà ông O đã đóng thì ông L đồng ý tính lại theo quy định của pháp luật và khấu trừ vào số tiền lãi còn phải trả. Như vậy, số tiền lãi mà ông O phải trả cho ông L số tiền lãi là 14.240.000 đồng (23.240.000 đồng – 9.000.000 đồng).

[3.4] Ông Nguyễn Văn L đồng ý trả lại cho ông Đặng Văn O bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: VP07486, thửa đất số 580 tờ bản đồ số 6 xã N, thành Phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang L1, buộc ông Đặng Văn O có trách nhiệm trả cho ông Lê Quang L1 tổng số tiền 114.240.000 đồng, bao gồm: tiền gốc là 100.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi là 14.240.000 đồng.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Đặng Văn O phải chịu là: 118.260.000 đồng x 5% = 5.913.000 đồng, tuy nhiên ông Đặng Văn O là người cao tuổi nên ông O được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn ông Đặng Văn O. Cụ thể như sau:

Buộc ông Đặng Văn O có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn L tổng số tiền 114.240.000 (Một trăm mười bốn triệu, hai trăm bốn mươi nghìn) đồng, bao gồm: tiền gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, tiền lãi là 14.240.000 (Mười bốn triệu, hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn L đồng ý trả lại cho ông Đặng Văn O bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: VP07486, thửa đất số 580 tờ bản đồ số 6 xã N, thành Phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

2. Về án phí: Ông Đặng Văn O được miễn nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thị Cẩm Trang